

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định việc xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực hải quan

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Nghị định:

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan bao gồm:

1. Vi phạm các quy định về thủ tục hải quan;
2. Vi phạm các quy định về kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
3. Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, hành lý, ngoại hối, vàng, tiền Việt Nam, kim khí quý, đá quý, cổ vật, văn hoá phẩm, buru phẩm, vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các tài sản khác (sau đây gọi chung là hàng hoá); vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Điều 2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại

Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ

1. Các tình tiết giảm nhẹ gồm:
 - a) Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
 - b) Vi phạm lần đầu trong lĩnh vực hải quan;
 - c) Tang vật vi phạm có trị giá nhỏ hơn mức tiền phạt tối thiểu của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm.
2. Các tình tiết tăng nặng gồm các tình tiết quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực hải quan là 70.000.000 đồng.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi vi phạm đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt được giảm xuống nhưng không thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể được tăng lên nhưng không vượt mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng;
- b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, phương tiện vi phạm;
- c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật.

4. Đối với hành vi vi phạm không bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu hàng hoá và các biện pháp khắc phục hậu quả thì hàng hoá, phương tiện vi phạm hành chính có thể được thông quan theo quy định của pháp luật nếu đối tượng vi phạm đã nộp đủ tiền phạt theo quy định hoặc được tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng bảo lãnh đối với số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Để bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo quy định của pháp luật, cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vi phạm hành chính khi được cơ quan hải quan yêu cầu.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan là 2 năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt hành chính là 3 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức lại có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2 Điều này. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 7. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

Không xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp sau:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Điều 4 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Hàng hoá, phương tiện vận tải được đưa vào lãnh thổ Việt Nam do bị hoả hoạn, thiên tai, địch hoạ, sự kiện bất ngờ, trong tình thế cấp thiết phải khai hải quan theo quy định của pháp luật; hàng hoá, phương tiện vận tải đó phải được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sau khi các yếu tố nêu trên được khắc phục.

3. Nhầm lẫn trong quá trình gửi hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nhưng đã được người gửi hàng hoặc đại diện hợp pháp của người gửi hàng hoặc người nhận hàng thông báo bằng văn bản với cơ quan hải quan, được Chi cục trưởng Hải quan chấp nhận vào trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hoá. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là ma túy, vũ khí, tài liệu phản động.

4. Sửa chữa, bổ sung, thay thế tờ khai hải quan theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hải quan.

5. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng với khai hải quan nhưng số thuế đã khai bằng hoặc lớn hơn số thuế phải nộp mà không có ý định trốn tránh việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng quy định tại khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 3 Điều 16, điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định này mà hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan có trị giá dưới 10.000.000 đồng.

7. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng quy định tại khoản 1 Điều 11, các khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định này mà hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan có trị giá dưới 500.000 đồng.

8. Vi phạm quy định về khai hải quan đối với vàng, ngoại hối, tiền Việt Nam của người xuất cảnh, nhập cảnh mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 10.000.000 đồng.

Chương II

các hình thức xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về hải quan

Điều 8. Vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi làm thủ tục hải quan không đúng thời hạn quy định tại Luật Hải quan.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Nộp không đúng thời hạn chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thuộc diện được chậm nộp theo quy định của pháp luật;

b) Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá, phương tiện vận tải không đúng thời hạn ghi trong giấy phép, tờ khai hải quan hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

- a) Không nộp chứng từ phải nộp thuộc hồ sơ hải quan được chậm nộp theo quy định của pháp luật;
- b) Khai không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá.

Điều 9. Vi phạm quy định về giám sát hải quan

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không bảo quản nguyên vẹn niêm phong hải quan kho hàng hoá, hàng hoá, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không có lý do xác đáng.
2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển phương tiện vận tải, hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan không đúng quy định.
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thay đổi bao bì, hình thức, kiểu dáng công nghiệp, xuất xứ, nhãn, mác hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan.
4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu tang vật vi phạm đối với một trong các vi phạm sau:
 - a) Tự ý thay đổi chủng loại, số lượng, chất lượng, trọng lượng hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan;
 - b) Tự ý tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan.
5. Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm đã bị tiêu thụ đối với vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới

“Cư dân biên giới” quy định trong Nghị định này là người có hộ khẩu thường trú hoặc được phép tạm trú dài hạn tại các xã biên giới.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:
 - a) Mang qua biên giới hàng hoá vượt mức quy định của pháp luật mà không khai hải quan;
 - b) Mang qua biên giới hàng hoá thuộc diện Nhà nước không cho phép trao đổi.
2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:
 - a) Vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này mà số hàng hoá vượt định mức quy định có trị giá trên 5.000.000 đồng;
 - b) Mang hàng hoá qua biên giới không đúng cửa khẩu quy định;
 - c) Chứa chấp, mua bán, vận chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu trái phép.
3. Người không phải là cư dân biên giới nhưng lợi dụng chính sách về mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới để vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới mà không phải là tội phạm thì bị xử phạt như sau:
 - a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp tang vật vi phạm có trị giá dưới 20.000.000 đồng;
 - b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 20.000.000 đồng trở lên;
4. Tịch thu tang vật vi phạm đối với vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nếu tang vật vi phạm là văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng thì bị buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tiêu hủy.
5. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều này mà có hành vi trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 11. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo loại hình quà biếu

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu quà biếu không đúng với khai hải quan.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà tang vật vi phạm thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện nhưng không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này, ngoài việc bị phạt tiền còn bị buộc đưa hàng hoá nhập khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc không được xuất khẩu số hàng hóa xuất khẩu trái quy định của pháp luật; nếu tang vật vi phạm là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tài liệu phản động, văn hoá phẩm độc hại thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về khai hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hành lý.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về khai hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá ngoài định mức quy định về hành lý.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 10.000.000 đồng trở lên;

b) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà tang vật vi phạm thuộc diện hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện nhưng không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì không được xuất khẩu hoặc nhập khẩu số hàng hoá vi phạm hoặc bị tịch thu nếu hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu mà không khai hải quan.

5. Vi phạm các quy định tại khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này mà có hành vi trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 13. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá là tài sản di chuyển

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về khai hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá là tài sản di chuyển.

Điều 14. Vi phạm quy định về kiểm soát hải quan

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Lên, xuống phương tiện vận tải chở hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra hải quan khi chưa được phép của cơ quan hải quan;

b) Không dùng phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đúng địa điểm quy định để làm thủ tục hải quan.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về quản lý hải quan khi đưa tàu biển vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam không đúng cảng quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Tự ý cập mạn tàu, thuyền chở hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đang làm thủ tục hải quan;

b) Không chấp hành hiệu lệnh của công chức hải quan theo quy định khi di chuyển phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan;

c) Không thực hiện yêu cầu mở nơi cất giữ hàng hoá theo quy định để công chức hải quan kiểm tra;

d) Đưa vào địa bàn hoạt động hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mà hàng hoá đó chưa đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định;

đ) Chứa chấp, mua bán, vận chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu trái phép mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 20.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Bóc dỡ hàng hoá không đúng cảng đích ghi trong vận đơn mà không có lý do xác đáng;

b) Điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh không đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định;

c) Tự ý xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hoá có nguồn gốc nhập khẩu trái phép trong địa bàn hoạt động hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá từ 20.000.000 đồng trở lên;

b) Tẩu tán, tiêu hủy hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo, tẩu tán tang vật, phương tiện vi phạm đã bị phát hiện, tạm giữ.

7. Tịch thu tang vật vi phạm đối với các vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, khoản 6 Điều này mà tang vật, phương tiện vi phạm không còn thì bị buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm.

Điều 15. Vi phạm quy định về kiểm tra hải quan

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không đưa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đến đúng địa điểm quy định để làm thủ tục hải quan;

b) Không cung cấp thông tin, chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp hành quyết định kiểm tra sau thông quan mà không có lý do xác đáng;

d) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ hải quan, sổ sách, chứng từ kế toán liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn phải lưu trữ theo quy định của pháp luật;

đ) Không xuất trình hàng hoá đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

e) Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải khi cơ quan hải quan yêu cầu mà không có lý do xác đáng.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Chuyển nhượng, sử dụng hàng hoá thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế quan không đúng quy định;

b) Tự ý sử dụng hàng hoá được giao quản lý chờ làm thủ tục hải quan;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá trái với quy định của Nhà nước về viện trợ nhân đạo.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không khai hoặc không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng, chất lượng, mã số hàng hoá, trị giá, xuất xứ.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng nội dung giấy phép;

b) Vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá từ 50.000.000 đồng trở lên;

c) Thay đổi hình thức, cấu tạo, tính chất hàng hoá để hợp thức hoá việc xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan.

5. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3, các điểm b, c khoản 4 Điều này mà có hành vi trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá trái với quy định về ưu đãi, miễn trừ hải quan;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

c) Đưa hàng hoá giả mạo xuất xứ vào lãnh thổ Việt Nam; **xuất** khẩu hàng hoá giả mạo xuất xứ;

d) Đưa hàng hoá, phương tiện vận tải vào lãnh thổ Việt Nam khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không có giấy phép theo quy định;

e) Giả mạo niêm phong hải quan, giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá mà không phải là tội phạm;

g) Không xuất trình được giấy phép khi hàng hoá về tới cửa khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định phải có giấy phép trước khi ký hợp đồng.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá gây hại cho sức khoẻ con người;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

8. Ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị phạt bổ sung hoặc bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Tịch thu hàng hoá nếu vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm d khoản 4, khoản 6 Điều này, trừ trường hợp bị buộc đưa tang vật vi phạm ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quy định;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc văn bản thay thế giấy phép trong thời hạn từ 30 ngày đến 90 ngày đối với các trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần một trong các vi phạm quy định tại các điểm a, c khoản 4, điểm g khoản 6 Điều này;

c) Buộc đưa tang vật vi phạm ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với các vi phạm quy định tại khoản 3, các điểm a, b khoản 4 Điều này mà hàng hoá nhập khẩu vi phạm quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật;

d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, hoặc buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về kho ngoại quan, kho bảo thuế

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Không thông báo cho cơ quan hải quan khi hợp đồng thuê kho đã hết hạn;

b) Không đưa hàng hoá ra khỏi kho ngoại quan khi hợp đồng thuê kho đã hết hạn;

c) Đăng ký tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu được bảo thuế, nộp hồ sơ thanh khoản hàng hoá không đúng thời hạn quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Di chuyển hàng hoá từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác khi chưa được sự đồng ý của cơ quan hải quan;

b) Tiến hành các dịch vụ gia cố bao bì, phân loại hàng hoá, lấy mẫu hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan mà không có sự giám sát của công chức hải quan;

c) Tự ý mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm kho ngoại quan;

d) Không mở sổ theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu, xuất kho, nhập kho hàng hoá theo quy định của pháp luật;

đ) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo về thực trạng hàng hoá trong kho và tình hình hoạt động của kho;

e) Vi phạm quy định về thanh khoản hàng hoá tại kho bảo thuế.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Đưa hàng hoá vào kho ngoại quan không đúng với khai hải quan hoặc hợp đồng thuê kho ngoại quan theo quy định của pháp luật;

b) Đưa hàng hoá vào kho bảo thuế không đúng quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

a) Đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan hàng hoá thuộc diện không được lưu giữ trong kho ngoại quan theo quy định;

b) Tiếp tục kinh doanh kho ngoại quan khi đã bị thu hồi Giấy phép thành lập kho ngoại quan;

c) Tẩy xoá, sửa chữa Giấy phép thành lập kho ngoại quan;

d) Không làm thủ tục hải quan khi đưa hàng hoá ra, vào kho ngoại quan;

đ) Tự ý tẩu tán hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế;

e) Tiêu hủy hàng hoá lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế không đúng quy định pháp luật.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Tịch thu hàng hoá nếu vi phạm quy định tại các điểm d, đ khoản 4 Điều này;

Vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này mà tang vật vi phạm không còn thì bị buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm.

b) Buộc đưa hàng hoá ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trong vòng 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, hoặc buộc tiêu hủy hàng hoá vi phạm đối với các vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này. Đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi, xuất xứ Việt Nam thì buộc phải loại bỏ các dấu hiệu vi phạm trước khi đưa hàng hoá ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý hải quan đối với hàng hoá gia công với nước ngoài, hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

- a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không khai hoặc không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng, chất lượng, mã số hàng hoá, chủng loại, trị giá, xuất xứ;
- b) Tự ý sử dụng hàng hoá không đúng mục đích đã đăng ký với cơ quan hải quan;
- c) Vi phạm các quy định về thanh khoản hàng hoá gia công với nước ngoài, hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu;
- d) Vi phạm các quy định về lưu mẫu, lưu hồ sơ, chứng từ;
- đ) Vi phạm các quy định khác về quản lý hải quan đối với hàng hoá gia công với nước ngoài và hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hoặc hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc thuộc diện phải có giấy phép theo quy định của pháp luật mà không có giấy phép.

3. Vi phạm các quy định về quản lý hải quan đối với hàng hoá gia công với nước ngoài và hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu mà có hành vi trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 18. Vi phạm quy định về quản lý hải quan đối với khu chế xuất, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu thương mại tự do, khu kinh tế cửa khẩu và các khu vực ưu đãi hải quan khác

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm quy định về quản lý hải quan đối với khu chế xuất, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu thương mại tự do, khu kinh tế cửa khẩu và các khu vực ưu đãi hải quan khác.

2. Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà có hành vi trốn thuế thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 19. Vi phạm quy định về khai hải quan đối với ngoại hối, vàng của người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Khi xuất cảnh:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mang ngoại hối, vàng vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mang ngoại hối, vàng vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mang ngoại hối, vàng vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm.

2. Khi nhập cảnh:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi mang ngoại hối, vàng vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mang ngoại hối, vàng vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá tương đương từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau:

- Khai khống ngoại hối, vàng có trị giá tương đương từ 10.000.000 đồng đến dưới

100.000.000 đồng.

- Vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm.

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai khống ngoại hối, vàng có trị giá từ 100.000.000 đồng Việt Nam trở lên.

3. Tang vật vi phạm được trả lại khi quyết định xử phạt đã được thực hiện. Việc xuất khẩu, nhập khẩu ngoại hối, vàng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Vi phạm quy định về khai hải quan đối với tiền Việt Nam của người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi mang tiền Việt Nam khi xuất cảnh, nhập cảnh vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có số lượng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mang tiền Việt Nam khi xuất cảnh, nhập cảnh vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có số lượng từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về khai hải quan mà tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên mà không phải là tội phạm.

4. Tang vật vi phạm được trả lại khi quyết định xử phạt đã được thực hiện. Việc xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Xúc phạm, đe dọa, cản trở công chức hải quan đang thi hành công vụ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự hoặc cản trở công chức hải quan đang thi hành công vụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa hoặc dùng vũ lực chống lại công chức hải quan đang thi hành công vụ mà không phải là tội phạm.

Chương III

Thẩm quyền xử phạt

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hải quan

1. Đội trưởng Đội nghiệp vụ thuộc Chi cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chi cục trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Hải quan); Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.

3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật, phương tiện vi phạm;

e) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm là văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá thuộc diện gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng;

g) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái phép.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan và phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thuế (trừ trường hợp các luật về thuế có quy định khác);

c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện vi phạm;

e) Buộc tiêu hủy tang vật là văn hoá phẩm độc hại, hàng hoá gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng;

g) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái phép.

5. Đối với hành vi vi phạm quy định tại các luật thuế liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thì người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

6. Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

7. Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển có quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 32, 33 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính về hải quan được quy định tại Điều 10, Điều 14 Nghị định này.

Điều 23. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại Điều 22 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm.

2. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây:

Nếu mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó. Nếu mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả quy định đối với một trong các hành vi đó vượt thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt.

3. Đối với hành vi có khung tiền phạt mức tối đa trên 20.000.000 đồng, Cục trưởng Cục Hải quan chuyển hồ sơ đến ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xảy ra vi phạm hành chính hoặc nơi Cục Hải quan đóng trụ sở trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên vùng biển thuộc quyền chủ quyền, để Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định xử phạt.

4. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hải quan xảy ra trên đất liền, vùng lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc địa bàn quản lý của Hải quan nơi nào thì Hải quan ở nơi đó có trách nhiệm xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này; trường hợp do Cục Điều tra chống buôn lậu phát hiện thì thực hiện việc xử phạt theo thẩm quyền.

5. ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi chưa có tổ chức hải quan thì Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đóng tại địa bàn đó có quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 32, 33 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại các Điều 10, 14 Nghị định này.

Chương IV

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính

Điều 24. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự trong địa bàn hoạt động hải quan, gây thương tích cho công chức hải quan đang thi hành công vụ hoặc cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để ra quyết định xử phạt hành chính.

2. Thời hạn tạm giữ người vi phạm hành chính không được quá 12 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm. Trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ. ở những vùng rừng núi hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn, nhưng không được quá 48 giờ.

3. Mọi trường hợp tạm giữ người đều phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

4. Nghiêm cấm giữ người vi phạm hành chính trong các nhà tạm giữ, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

5. Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho người thân trong gia đình, cơ quan, nơi làm việc hoặc học tập của họ biết. Khi tạm giữ người chưa thành niên vào ban đêm hoặc giữ trên 6 giờ thì nhất thiết phải báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ biết.

Điều 25. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính

Những người sau đây có quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

Chi cục trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan.

Trong trường hợp những người quy định trên đây vắng mặt thì cấp Phó được uỷ quyền có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Việc tạm giữ người phải tuân thủ đúng nguyên tắc, thủ tục, trình tự quy định tại Điều 44 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt.

Những người quy định tại Điều 25 của Nghị định này có quyền quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp cần thiết, những người có thẩm quyền xử phạt hành chính quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này được quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định, người ra quyết định phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình được quy định tại Điều 25 của Nghị định này và phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó.

3. Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm tổ chức bảo quản tang vật, phương tiện đó; nếu do lỗi của người này mà tang vật, phương tiện bị mất, đánh tráo hoặc hư hỏng thì ngoài trách nhiệm bồi thường, còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm cần được niêm phong thì phải tiến hành niêm phong với sự có mặt của người vi phạm hoặc đại diện của họ, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

4. Đối với tiền Việt Nam, ngoại hối, các chất ma túy và những đồ vật thuộc chế độ quản lý đặc biệt khác, việc bảo quản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Đối với tang vật vi phạm hành chính là loại hàng hoá dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải lập biên bản riêng và tổ chức bán ngay. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

6. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tạm giữ, người có thẩm quyền quyết định tạm giữ và xử phạt phải xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo những biện pháp ghi trong quyết định xử phạt. Nếu không áp dụng hình thức phạt tịch thu thì trả lại tang vật hoặc tiền thu được do bán hàng hoá cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm có thể được kéo dài nhưng không quá 60 ngày đối với các trường hợp vi phạm có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh hoặc có liên quan đến nhiều cá nhân, tổ chức ở trong nước và nước ngoài.

7. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Điều 27. Khám người theo thủ tục hành chính

1. Việc khám người theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người hàng hoá, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính. Việc khám người phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị khám một bản.

2. Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Nghị định này mới được quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

3. Trước khi tiến hành khám người, người khám phải cho người bị khám xem chứng minh thư hải quan và thông báo quyết định cho người bị khám biết. Khi khám người, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến.

4. Mọi trường hợp khám người đều phải lập biên bản và phải giao cho người bị khám một bản.

Điều 28. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính

1. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính phải có quyết định bằng văn bản.

2. Chỉ những người quy định tại Điều 25 Nghị định này mới có quyền quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

3. Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải và một người chứng kiến. Trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

4. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản và giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải một bản.

5. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao phải tuân theo các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Khi có căn cứ để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự bị lạm dụng vào mục đích trái với quy định của Điều ước quốc tế về quan hệ ngoại giao, quan hệ lãnh sự mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, hoặc trong hành lý, phương tiện vận tải có hàng hoá thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc hàng hoá thuộc diện không được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xử lý theo quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 29. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng ở nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Điều 25 của Nghị định này mới có quyền ra quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là nơi ở thì quyết định khám phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành.

3. Khi tiến hành khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải thực hiện đúng quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 49 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương V

thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Điều 30. Đình chỉ hành vi vi phạm

Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Quyết định đình chỉ có thể là quyết định bằng văn bản hoặc quyết định thể hiện bằng lời nói, còi, tín hiệu hoặc các hình thức khác tùy từng trường hợp vi phạm cụ thể.

Điều 31. Thủ tục đơn giản

Trường hợp áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định tại Điều 54 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 32. Lập biên bản vi phạm hành chính

Đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan không thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định này, người có thẩm quyền xử phạt phải kịp thời lập biên bản theo quy định. Nếu

người lập biên bản không có thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt phải ký tên vào biên bản; trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh trước khi ký biên bản.

Hình thức, nội dung, trình tự lập biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 33. Quyết định xử phạt

Hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 56 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 34. Xử lý đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu quá thời hạn làm thủ tục hải quan hoặc buộc phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc phải tái xuất

1. Hàng hoá nhập khẩu quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hàng hoá tới cửa khẩu dỡ hàng mà không có người đến làm thủ tục hải quan thì người có thẩm quyền tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Hải quan. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo, nếu không có người đến làm thủ tục hải quan thì người có thẩm quyền quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm theo quy định.

2. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu của tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải thông báo về việc này trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Hải quan. Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không có người đến nhận thì người có thẩm quyền quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm theo quy định.

3. Hàng hoá nhập khẩu không đúng giấy phép, hợp đồng, vận tải đơn hoặc lược khai hàng hoá mà người nhận hàng từ chối nhận, thì xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người có thẩm quyền quy định tại các khoản 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải thông báo cho cá nhân, tổ chức có trách nhiệm về trường hợp hàng hoá theo quy định phải tái xuất hoặc buộc phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan mà hàng hoá vẫn chưa được tái xuất hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì người có thẩm quyền quy định tại các khoản 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm theo quy định, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Điều 35. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định này phải thực hiện đúng thủ tục tịch thu quy định tại Điều 60 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người ra quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản và phân loại tang vật, phương tiện vi phạm để chuyển giao cho cơ quan tài chính cấp quận, huyện hoặc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh, thành phố bán đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các Điều 32, 33, 34 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

3. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu là văn hoá phẩm độc hại, hàng giả không có giá trị sử dụng, hàng hoá gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng thì bị tiêu hủy theo quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Tang vật vi phạm là hàng hoá dễ bị hư hỏng thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Chấp hành quyết định xử phạt và hoãn chấp hành quyết định phạt tiền

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt. Việc nộp tiền phạt được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cá nhân, tổ chức đã nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định.

3. Việc hoãn chấp hành quyết định phạt tiền thực hiện theo quy định tại Điều 65 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 37. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính thực hiện theo các biện pháp sau:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

b) Kê biên tài sản có trị giá tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Tạm đình chỉ làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vật tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cho tới khi thi hành xong quyết định xử phạt.

d) Các biện pháp cưỡng chế khác quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Trước khi thực hiện các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm b, d khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan phải thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

3. Chỉ những người được quy định tại Điều 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính mới có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

4. Khi được cơ quan hải quan yêu cầu, các đơn vị quản lý, kinh doanh có cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế chấp hành quyết định xử phạt có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Các cơ quan Tài chính, Ngân hàng, Công an, Bộ đội Biên phòng và chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm phối hợp để thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan hải quan.

6. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Chương VI

Khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo về hành vi trái pháp luật trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 39. Khởi kiện hành chính

Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 40. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 41. Xử lý vi phạm

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

Điều khoản thi hành

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ các Nghị định số 16/CP ngày 20 tháng 3 năm 1996, số 54/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998, số 58/2000/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2000 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

tm. chính phủ
Thủ tướng

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của QH,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Học viện Hành chính quốc gia,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Người phát ngôn của Thủ tướng CP, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,

Phan Văn Khải đã ký

- Lưu : KTTH (5), Văn thư.